TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20/6/2019
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phan Văn Ký

2/ Ông Trần Công Sơn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C: Ông Huỳnh Văn Dương– Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Trịnh Thị Bích A** - sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Long P, xã Xuân L, thị xã C, tỉnh Phú Yên.

Có mặt

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Tiến B** - sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn Long P, xã Xuân L, thị xã C, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt lần 2

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nhận ngày 02/01/2019; biên bản hòa giải không được vào ngày 26/3/2019 và ngày 20/4/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trịnh Thị Bích A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hằng và anh Dũng tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Uỷ ban nhân dân xã Xuân L, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Quá trình chung sống chung tại Thôn Long P, xã Xuân L thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Năm 2008, anh Dũng bỏ nhà đi không nói với chị Hằng đi đâu và làm gì. Từ đó chị Hằng và anh Dũng không còn chung sống với nhau, không giúp đỡ gì nhau. Đến nay đã hơn 10 năm, nên chị Hằng xin ly hôn anh Dũng.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Hằng và anh Dũng có một con chung tên Nguyễn Trịnh Nhật D– sinh ngày 07/11/2006, hiện đang ở với chị Hằng. Ly hôn, chị Hằng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Dũng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hằng xác định trong quá trình sống chung chị Hằng và anh Dũng không có tài sản chung và nợ chung nên chị Hằng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tiến B đã được Tòa triệu tập hợp lệ và Tòa đã nhiều lần phối hợp với chính quyền địa phương đến nhà anh Dũng để làm việc nhưng anh Dũng không có mặt ở địa phương. Bản thân anh Dũng có đăng ký tạm trú tại địa phương một thời gian được địa phương xác nhận. Do vậy, việc anh Dũng bỏ đi không để lại địa chỉ cho chị Hằng cũng như không báo chính quyền địa phương biết là thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ. Tòa đã tiến niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật, anh Dũng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Anh Nguyễn Tiến B được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; điểm b, khoản 1 Điều 238 BLTTDS năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Tiến B. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Bích A đối với anh Nguyễn Tiến B. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trịnh Nhật D– sinh ngày 07/11/2006 cho chị Hằng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh Dũng không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, chị Hằng xác định không có nên nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Trịnh Thị Bích A xin ly hôn với anh Nguyễn Tiến B là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015, anh Dũng có đăng ký tạm trú tại Thôn Long P, xã Xuân L, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Phú Yên quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Tiến B được Tòa án triệu tập bằng hình thức niêm yết hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; điểm b, khoản 1 Điều 238 BLTTDS năm 2015. Nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Dũng.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trịnh Thị Bích A và anh Nguyễn Tiến B kết hôn vào năm 2006 tại Uỷ ban nhân dân xã Xuân L, thị xã C, tỉnh Phú Yên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Hằng và anh Dũng không chung sống với nhau từ năm 2008 đến nay đã trên 10 năm. Không ai chăm sóc, giúp đỡ gì nhau, cho thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được cuộc sống chung không thể kéo dài. Nên yêu cầu xin ly hôn của chị Hằng là có căn cứ chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, chị Hằng và anh Dũng có một con chung tên Nguyễn Trịnh Nhật D– sinh ngày 07/11/2006. Hiện nay, cháu Dđang sống chung với chị Hằng, chị Hằng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Vy; đồng thời, cháu Dcó nguyện vọng được sống với mẹ nên giao cháu Dcho chị Hằng tực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Hằng xác định chị và anh Dũng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị Trịnh Thị Bích A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. *Áp dụng:* Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 35, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

***Tuyên xử*:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Bích A đối với anh Nguyễn Tiến B.

2. *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Trịnh Nhật D– sinh ngày 07/11/2006 cho chị Trịnh Thị Bích A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Tiến B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Dũng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét

4. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, chị Trịnh Thị Bích A phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* mà chị A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2015/0006728 ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C. Chị A đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Trịnh Thị Bích A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Tiến B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKSND T.x Sông Cầu, Phú Yên (1);
- Chi cục ThA DS thị xã C, Phú Yên(1);
- UBND xã Xuân L (1)
- TAND tỉnh Phú Yên (1);
- Án văn (1);
- Lưu hồ sơ (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Tôn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tôn